TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH CỬU** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09 /2023/KDTM-ST
Ngày 28 tháng 7 năm 2023
"V/v tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH CỬU, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Bá Diễn

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Ngọc Cúc và bà Trần Thị Hoa

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Quyết Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Thái Thị Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 10/2023/TLST-KDTM ngày 22 tháng 3 năm 2023, về việc: "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2023/QĐXXST-KDTM ngày 20 tháng 6 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 50/2023/QĐST-KDTM ngày 10 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty TNHH K;

Địa chỉ trụ sở: Khu phố 5, phương U, thị xã T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Wei Shu C - Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện ủy quyền tham gia tố tụng là ông Trương Hồng K1, sinh năm 1986; Địa chỉ liên lạc: số 1261 đường N, Khu phố 6, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. (Theo văn bản ủy quyền ngày 23/10/2022).

2. Bị đơn: Công ty TNHH Sản xuất N;

Địa chỉ trụ sở: 66, đường C, ấp B, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Phúc T - Chức vụ: Giám đốc.

(Đại diện nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình tham gia tố tụng đại diện của nguyên đơn trình bày:***

Ngày 02/01/2021, Công ty TNHH K (say đây gọi tắt là Công ty K) và Công ty TNHH Sản xuất N (tên doanh nghiệp viết tắt A. sau đây gọi tắt là Công ty N) ký kết Hợp đồng nguyên tắc số 01/Mỹ-KCT-2021 về việc mua bán và gia công hàng hoá với nội dung cơ bản như sau:

Công ty K sẽ sản xuất, gia công sản phẩm ván lạng (veneer) và phẩm phụ trợ cho Công ty N. Mẫu mã, bản vẽ ký thuật, yêu cầu chất lượng, số lượng hàng hoá, thời gian giao hàng sẽ được thể hiện trong đơn đặt hàng Công ty N gửi và được Công ty K xác nhận.

Giá hàng hoá của từng đơn hàng cụ thể sẽ được hai bên thoả thuận, thể hiện trong báo giá được hai bên xác nhận.

Công ty N có trách nhiệm thanh toán tiền mua hàng bằng phương thức chuyển khoản trong vòng 45 ngày kể từ ngày nhận được hoá đơn tài chính.

Trong khoảng thời gian từ tháng 4 đến tháng 8 năm 2021, Công ty N đã đặt hàng Công ty K sản xuất, gia công lượng hàng hoá trị giá 1.401.179.419 đồng. Công ty K đã bàn giao hàng hoá đúng số lượng, chất lượng và giao hàng đúng thời gian cho Công ty N. Tuy nhiên, Công ty N không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán, đến ngày 01/4/2022, mới chỉ thanh toán qua chuyển khoản cho Công ty K 100.000.000 đồng, còn lại 1.301.179.419 đồng Công ty N chỉ hứa hẹn trả mà không thực hiện.

Các đơn hàng/hoá đơn Công ty N còn nợ cụ thể như sau:

STT	Số hoá đơn	Ngày xuất hoá đơn	Số tiền phải trả	Ngày phải trả	Số tiền đã trả	Ngày trả	Số tiền thực tế còn nợ
1	0000217	28/04/2021	655.717.048	12/06/2021	100.000.000	04/04/2022	555.717.048
2	0000269	31/05/2021	141.157.845	15/07/2021			141.157.845
3	0000350	29/06/2021	314.512.733	13/08/2021			314.512.733
4	0000444	30/09/2021	122.535.232	14/11/2021			122.535.232

5	0000445	30/09/2021	167.256.561	14/11/2021			167.256.561
Tổng số tiền gốc còn nợ:							1.301.179.419

Công ty Kim Cụ Thái đã nhiều lần liên hệ yêu cầu thanh toán số tiền nợ còn lại (bằng phương thức gọi điện, cử nhân viên đến trực tiếp, gửi công văn) nhưng Công ty N chỉ hứa hẹn trả mà không thực hiện đúng nghĩa vụ trả tiền:

- Ngày 16/02/2021 Công ty N gửi công văn số TT/012022 cam kết tháng 3/2022 thanh toán 200 triệu; tháng 4 thanh toán 250 triệu; tháng 5 thanh toán 300 triệu; tháng 6 thanh toán số tiền còn lại 651.179.179đồng.

- Ngày 12/05/2022 Công ty N gửi Thông báo số GH/052022 về việc xin gia gian thời gian thanh toán thông báo cuối tháng 6/2022 sẽ thanh toán hết công nợ;

- Ngày 08//7/2022 Công ty N gửi Thông báo số GH/072022 về việc xin gia hạn thời gian thanh toán, thông báo tháng 9/2022 sẽ thanh toán hết công nợ.

Ngày 12/7/2022 Công ty K ban hành Công văn trả lời không đồng ý gia hạn thời gian thanh toán như đề nghị của Công ty N và yêu cầu thanh toán ngay toàn bộ số tiền nợ, tuy nhiên Công ty N vẫn không thanh toán tiền cho Công ty K, đến nay vẫn còn nợ số tiền 1.301.179.419 đồng.

Công ty N không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán, vi phạm Hợp đồng mà hai bên đã ký kết. Nay, Công ty TNHH K khởi kiện yêu cầu Toà án buộc Công ty TNHH Sản xuất N phải trả cho Công ty TNHH K số tiền còn nợ là 1.301.179.419 đồng (một tỷ ba trăm lẻ một triệu một trăm bảy mươi chín nghìn bốn trăm mười chín đồng).

Đồng thời do Công ty N không thánh toán đúng thời hạn đã thỏa thuận nên Công ty TNHH K yêu cầu Toà án buộc Công ty TNHH Sản xuất N phải trả tiền lãi do chậm thanh toán cho Công ty TNHH K, với cách tính như sau:

Theo thỏa thuận trong Hợp đồng thì thời hạn thanh toán là trong vòng 45 ngày kể tư ngày xuất hóa đơn. Công ty N còn nợ tiền hàng theo 05 hóa đơn, trong đó hóa đơn cuối cùng xuất ngày 30/9/2021 nên thời hạn cuối cùng phải thanh toán là ngày 14/11/2021, ngày phát sinh nghĩa vụ trả lãi là 15/11/2021. Công ty K tính tiền lãi chung cho tất cả hóa đơn còn nợ theo mốc thời gian vi phạm của hóa đơn cuối cùng (có lợi cho Công ty N), là từ ngày 15/11/2021 cho đến ngày xét xử sơ thẩm 28/7/2023 là 620 ngày với lãi xuất 10%/năm, tương ứng 0,03%/ngày theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự và Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP của Hội đồng thẩm phán

TANDTC. Như vậy tổng số tiền lãi mà Công ty N phải trả là: 1.301.179.419 đồng x 0,03% x 620 ngày = 242.019.372 đồng (làm tròn thành 242.019.000 đồng).

**** Bị đơn là công ty TNHH Sản xuất N đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không đến tham gia phiên họp, không tham gia phiên tòa và cũng không cung cấp văn bản trình bày ý kiến về các vấn đề cần giải quyết trong vụ án và gửi các tài liệu, chứng cứ kèm theo như Tòa án đã yêu cầu.***

**** Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:***

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định pháp luật. Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: nguyên đơn do ông Trương Hồng Kỳ là người đại diện tham gia tố tụng chấp hành đúng theo quy định của pháp luật. Bị đơn là Công ty TNHH Sản xuất N có trụ sở tại xã Tân An, huyện Vĩnh Cửu và theo văn bản xác minh của Tòa án được Phòng Đăng ký kinh doanh của Sở kế hoạch và Đầu tư trả lời công ty này không có sự thay đổi (không sáp nhập, không làm thủ tục phá sản, không giải thể …) nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện Vĩnh Cửu. Đồng thời bị đơn là Công ty TNHH Sản xuất N đã dược triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến tham gia tố tụng, không tham gia phiên tòa nên Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về đường lối giải quyết vụ án: Yêu cầu của Công ty TNHH K là có căn cứ, đúng pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH K. Buộc Công ty TNHH Sản xuất N phải trả tiền nợ và tiền lãi cho Công ty TNHH K như Công ty TNHH K yêu cầu và buộc Công ty TNHH Sản xuất N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Công ty TNHH K có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp về hợp đồng mua bán hàng hóa đối với Công ty TNHH Sản xuất N; địa chỉ trụ sở: 66, đường C, ấp B, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai. Đây là tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh giữa các tổ chức có đăng ký kinh doanh với nhau và đều có mục đích lợi nhuận. Theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, thì quan hệ pháp luật của vụ

án này được xác định là "Tranh chấp về hợp đồng mua bán hàng hóa" và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn là Công ty N không có yêu cầu phản tố, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng, nhưng đều vắng mặt từ thời điểm Tòa án thông báo thụ lý vụ án cho đến thời điểm Tòa án mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, phiên tòa xét xử vụ án, nên không có ý kiến trình bày. Cho đến nay, Công ty N không phản đối những tình tiết, tài liệu, chứng cứ mà bên nguyên đơn là Công ty K đưa ra, cũng như do Tòa án thu thập được và họ cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì phản bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đại diện nguyên đơn có đơn đề nghị được vắng mặt tại phiên tòa. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt của nguyên đơn là Công ty K và bị đơn là Công ty N.

Về chứng cứ của vụ án: Tòa án đã đảm bảo việc công khai toàn bộ tài liệu, chứng cứ có trong hồ vụ án theo quy định tại các Điều 208, 209, 210, 211 Bộ luật tố tụng dân sự. Đại diện nguyên đơn cam kết không còn tài liệu, chứng cứ nào khác.

[3] Nội dung vụ án:

[3.1]. Công ty K yêu cầu Toà án giải quyết buộc Công ty N phải trả cho Công ty K 1.301.179.419 đồng tiền nợ từ hợp đồng mua bán hàng hóa và tiền lãi do chậm trả nợ tính từ ngày 15/11/2021 cho đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 28/7/2023) là: 242.019.000 đồng.

Để chứng minh cho yêu cầu của mình là hợp pháp và có căn cứ, Công ty K đã giao nộp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ gồm:

- "Hợp đồng nguyên tắc V/v mua bán và gia công hàng hóa số 01/Mỹ- KCT-2021" được ký kết giữa bên bán là Công ty K và bên mua là Công ty N vào ngày 02/01/2021.

- Các đơn đặt hàng, phiếu xuất hàng và hóa đơn giá trị gia tăng như đã nêu ở trên với tổng số tiền mà Công ty N còn phải thanh toán là 1.301.179.419 đồng.

- Văn bản số TT/012022 ngày 16/02/2021 của Công ty N gửi Công ty K với nội dung "đối với khoản công nợ của K chúng tôi xin được thanh toán như sau: Từ ngày 20-30 tháng 3 thanh toán số tiền 200.000.000 VNĐ; Từ ngày 20-30 tháng 4 thanh toán số tiền 250.000.000 VNĐ; Từ ngày 25-30 tháng 5 thanh toán số tiền 300.000.000 VNĐ; Từ ngày 25-30 tháng 6 thanh toán số tiền thanh toán số tiền còn

lại 651.179.979 VNĐ. Văn bản này do ông Ngô Thanh S ký và có đóng dấu treo của Công ty N;

- Thông báo v/v xin gia gian thời gian thanh toán số GH/052022 ngày 12/05/2022 của Công ty N có nội dung "xin quý công ty gia hạn đến cuối tháng 6/2022 khi xuất hàng ổn định chúng tôi sẽ thanh toán";

- Công văn trả lời ngày 12/7/2022 của Công ty K gửi cho Công ty N (AFM) có nội dung "đề nghị Công ty AFM thanh toán đúng số tiền còn phải trả là 1.301.179.419 VNĐ" được đại diện công ty N là ông Nguyễn Hải T1 ký xác nhận và đóng dấu của Công ty N vào phần ghi nội dung số tiền còn nợ và yêu cầu thanh toán.

- Thông báo v/v xin gia gian thời gian thanh toán số GH/072022 ngày 18/7/2022 của Công ty N, có nội dung "xin quý công ty gia hạn đến cuối tháng 9/2022 khi xuất hàng ổn định chúng tôi sẽ thanh toán";

Tòa án đã thông báo, triệu tập Công ty N tới Tòa án làm việc nhưng người đại diện theo pháp luật của Công ty N không đến, cũng không ủy quyền cho ai khác đến Tòa án làm việc. Để đảm bảo quyền lợi Công ty N, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các tài liệu, văn bản thể hiện đầy đủ nội dung yêu cầu khởi kiện cùng tài liệu, chứng cứ mà Công ty K đã giao nộp như đã nêu ở trên và các tài liệu, chứng cứ khác mà Tòa án đã thu thập được cho Công ty N. Đồng thời yêu cầu Công ty N trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu của Công ty K nhưng Công ty N không trả lời, không có ý kiến phản đối. Khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự quy định " Một bên thừa nhận hoặc ***không phản đối*** những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh". Như vậy Tòa án căn cứ vào các tài liệu chứng cứ mà Công ty K đã cung cấp như đã liệt kê ở trên và tài liệu, chứng cứ mà Tòa án thu thập được để giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3.2] Xét các tài liệu, chứng cứ mà Công ty K giao nộp thì thấy:

"Hợp đồng nguyên tắc V/v mua bán và gia công hàng hóa số 01/Mỹ- KCT-2021" được ký kết giữa bên bán là Công ty K và bên mua là Công ty N vào ngày 02/01/2021, với những nội dung chính là: Công ty K sản xuất, gia công sản phẩm ván lạng (veneer) và phẩm phụ trợ cho Công ty N theo đặt hàng của Công ty N. Mẫu mã, bản vẽ kỹ thuật, yêu cầu chất lượng, số lượng hàng hoá, thời gian giao hàng sẽ được thể hiện trong đơn đặt hàng Công ty N gửi và được Công ty K xác nhận. Giá hàng hoá của từng đơn hàng cụ thể sẽ được hai bên thoả thuận, thể hiện trong báo giá được hai bên xác nhận. Công ty N có trách nhiệm thanh toán tiền mua hàng bằng phương

thức chuyển khoản trong vòng 45 ngày kể từ ngày nhận được hoá đơn tài chính. Như vậy giữa Công ty N và Công ty K có ký kết hợp đồng mua bán hàng hóa với nhau như người đại diện của Công ty K đã trình bày là đúng.

Công ty K đã cung cấp được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình, đó là các đơn đặt hàng của Công ty N và Phiếu xuất hàng cùng hóa đơn giá trị gia tăng của Công ty K phù hợp với nhau, với tổng số tiền mà Công ty N có nghĩa vụ phải thanh toán là 1.401.179.419 đồng. Đồng thời Công ty K còn cung cấp được chứng cứ là Văn bản số TT/012022 ngày 16/02/2021 của Công ty N gửi Công ty K xin được thanh toán tiền làm 4 đợt, với tổng số tiền là 1.401.179.419 đồng và phía công ty N cũng đã xác nhận, đóng dấu mộc vào Công văn ngày 12/7/2022 của Công ty K yêu cầu Công ty N phải thanh toán số tiền còn lại 1.301.179.419 đồng. Ngoài ra, Công ty K còn cung cấp được các Văn bản mà Công ty N xin gia hạn thời hạn trả nợ sang tháng 6 và tháng 9 năm 2022. Các tài liệu, chứng cứ về việc xác nhận số tiền còn nợ và xin gia hạn thời hạn trả nợ mà Công ty K cung cấp đều được đóng dấu của công ty N. Tòa án đã tống đạt hợp lệ các tài liệu, chứng cứ này cho Công ty N cùng với nội dung yêu cầu khởi kiện của Công ty K nhưng Công ty N không có ý kiến, không phản đối. Như vậy việc Công ty K cho rằng từ tháng 4 đến tháng 8 năm 2021, Công ty N đã đặt hàng Công ty K sản xuất, gia công lượng hàng hoá trị giá 1.401.179.419 đồng. Công ty K đã bàn giao hàng hoá đúng số lượng, chất lượng và giao hàng đúng thời gian cho Công ty N. Nhưng Công ty N mới chỉ thanh toán được cho Công ty K 100.000.000 đồng, hiện còn lại 1.301.179.419 đồng là có căn cứ.

Tại "Hợp đồng nguyên tắc" mà Công ty K và Công ty N ký kết ngày 02/01/2021 đã ghi nhận thỏa thuận giữa hai bên về nghĩa vụ thanh toán tiền "chậm nhất là 45 sau khi nhận hóa đơn tài chính". Công ty K xuất hóa đơn giá trị gia tăng cho Công ty N lần đầu là ngày 28/4/2021 và lần xuất hóa đơn sau cùng là ngày 30/9/2021. Nên việc công Ty K yêu cầu Công ty N phải trả tiền lãi chỉ tính theo hóa đơn giao hàng sau cùng (ngày 14/11/2021) là phù hợp với thỏa thuận của hai bên và có phần có lợi cho Công ty N nên được chấp nhận. Mức lãi suất mà Công ty K đưa ra cũng là phù hợp với quy định của pháp luật nên yêu cầu của Công ty K về việc buộc Công ty N phải thanh toán cho công ty K số tiền lãi do chậm thanh toán 242.019.000 đồng là có cơ sở chấp nhận.

Như vậy cả tiền nợ từ hợp đồng mua bán hàng hóa và tiền lãi do chậm thanh toán, Công Ty N phải có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty K là: 1.301.179.109 đồng + 242.019.000 đồng = 1.543.198.109 đồng.

[4] Về án phí**:** Yêu cầu của Công ty K được chấp nhận nên Công ty N phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 58.295.943 đồng.

Hoàn trả lại cho công ty K số tiền tạm ứng án phí mà Công ty K đã nộp.

[5] Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nhận định trên của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1, khoản 2 và khoản 4 Điều 91; Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 235; Điều 266; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 357; Điều 401 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Khoản 8 Điều 3, khoản 1 Điều 24; khoản 1 Điều 50; khoản 5 Điều 297; Điều 306 và Điều 319 của Luật Thương mại năm 2005;

- Điều 11 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

- Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là công ty TNHH K đối với bị đơn công ty TNHH Sản xuất N về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa".

Buộc công ty TNHH Sản xuất N phải có trách nhiệm thanh toán cho công ty TNHH K số tiền 1.543.198.109 đồng (một tỷ năm trăm bốn mươi ba triệu một trăm chín mươi tám nghìn một trăm lẻ chín đồng). Trong đó, nợ tiền hàng là 1.301.179.419 đồng và tiền lãi do chậm thanh toán là 242.019.000 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành

án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

2. Về án phí sơ thẩm:

Công ty TNHH Sản xuất N phải nộp tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 58.295.943 đồng (năm mươi tám triệu hai trăm chín mươi lăm nghìn chín trăm bốn mươi ba đồng).

Hoàn trả lại cho công ty TNHH K số tiền tạm ứng án phí 28.328.090đ (hai mươi tám triệu ba trăm hai mươi tám nghìn không trăm chín mươi đồng) mà Công ty TNHH K đã nộp theo biên lai thu số 0005056 ngày 22/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

3. Công ty TNHH K và Công ty TNHH Sản xuất N có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Vĩnh Cửu;
- Chi cục THA dân sự huyệnVĩnh Cửu;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Bá Diễn